

METHODS OF NAMING THINGS IN VIETNAMESE SONG FOR CHILDREN

Huong Vu Thi^{1,*}

¹Faculty of Education, Tan Trao University, Tuyen Quang Province, Vietnam
Email address: VTHuong@tqu.edu.vn
Corresponding Author: Huong Vu Thi
<https://doi.org/10.51453/3093-3076/1350>

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	15/8/2025	In the field of linguistics, especially stylistic linguistics and functional linguistics, the study of methods of naming objects plays an important role in exploring the relationship between language and thinking. This article studies the methods of naming objects in Vietnamese songs for children, thereby clarifying the characteristics of language and thinking in the world of children on the basis of a survey of basic methods such as: basic methods of referring to people; basic methods of referring to animals, plants, objects, natural phenomena, abstract objects, thereby pointing out the structural characteristics in the way of naming objects and at the same time showing creativity in the use of language. These characteristics contribute to the attractiveness, memorability, and ease of perception of the songs, while reflecting the pure, innocent and imaginative worldview of children. Researching the method of naming objects in Vietnamese songs for children not only contributes to clarifying an aspect of artistic language, but also opens up new directions in composing, teaching and preserving musical culture for children in the modern context.
Revised:	20/9/2025	
Published:	28/10/2025	
KEYWORDS		
Vietnamese songs; Methods; Children; Naming things		

PHƯƠNG THỨC GỌI TÊN SỰ VẬT
TRONG CA KHÚC TIẾNG VIỆT DÀNH CHO THIẾU NHI

Vũ Thị Hương^{1,*}

¹Khoa Sư Phạm, Trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang, Việt Nam
Địa chỉ email: VTHuong@tqu.edu.vn
*Tác giả liên hệ: Vũ Thị Hương
<https://doi.org/10.51453/3093-3076/1350>

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	15/8/2025	Trong lĩnh vực ngôn ngữ học, đặc biệt là ngôn ngữ học phong cách và ngôn ngữ học chức năng, việc khảo sát các phương thức gọi tên sự vật đóng vai trò quan trọng trong việc khám phá mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy. Bài báo nghiên cứu các phương thức gọi tên sự vật trong ca khúc tiếng Việt dành cho thiếu nhi, từ đó làm rõ đặc điểm ngôn ngữ và tư duy trong thế giới trẻ thơ trên cơ sở khảo sát các phương thức cơ sở như: phương thức cơ sở chỉ người; phương thức cơ sở chỉ động vật, thực vật, đồ vật, hiện tượng tự nhiên, sự vật trừu tượng, từ đó chỉ ra được đặc điểm cấu trúc trong cách gọi tên sự đồng thời thể hiện sự sáng tạo trong cách sử dụng ngôn ngữ. Những đặc trưng này góp phần tạo nên sự hấp dẫn, dễ nhớ, dễ cảm thụ của các ca khúc, đồng thời phản ánh thế giới quan trong sáng, hồn nhiên và giàu trí tưởng tượng của trẻ em. Nghiên cứu phương thức gọi tên sự vật trong ca khúc tiếng Việt dành cho thiếu nhi không chỉ góp phần làm rõ một khía cạnh của ngôn ngữ nghệ thuật, mà còn mở ra những hướng đi mới trong việc sáng tác, giảng dạy và bảo tồn văn hoá âm nhạc dành cho trẻ em trong bối cảnh hiện đại.
Ngày hoàn thiện:	20/9/2025	
Ngày đăng:	28/10/2025	
TỪ KHÓA		
Ca khúc tiếng Việt; Phương thức; Thiếu nhi; Gọi tên sự vật.		

1. Giới thiệu

Trong lĩnh vực ngôn ngữ học, đặc biệt là ngôn ngữ học phong cách và ngôn ngữ học chức năng, việc khảo sát các phương thức gọi tên sự vật (GTSV) đóng vai trò quan trọng trong việc khám phá mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy. Theo quan điểm của Halliday (1978), ngôn ngữ không chỉ là công cụ phản ánh thực tại mà còn là phương tiện kiến tạo thế giới, thể hiện cách con người tri nhận và tổ chức kinh nghiệm sống. Việc “đặt tên cho sự vật” - hay còn gọi là “định danh” - không đơn thuần là một thao tác kỹ thuật, mà còn phản ánh đặc điểm nhận thức, cảm xúc và văn hóa của chủ thể sử dụng ngôn ngữ (Đỗ Hữu Châu, 2011). Trong bối cảnh đó, ngôn ngữ trong ca khúc thiếu nhi không chỉ là phương tiện truyền đạt thông điệp giáo dục, mà còn là thế giới ngôn từ đầy màu sắc, góp phần định hình nhận thức và cảm xúc của trẻ em về thế giới xung quanh. Ca từ dành cho thiếu nhi thường mang sắc thái hồn nhiên, tươi sáng, sử dụng nhiều hình ảnh gần gũi với đời sống thường nhật, từ đó phản ánh cách nhìn ngây thơ và giàu trí tưởng tượng của trẻ em. Một trong những phương diện quan trọng tạo nên đặc trưng ngôn ngữ trong ca khúc thiếu nhi chính là cách GTSV - yếu tố vừa mang tính thẩm mỹ, vừa thể hiện tư duy biểu tượng đặc trưng của lứa tuổi. Các phương thức gọi tên trong ca khúc thiếu nhi thường được vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, nhằm khơi gợi trí tò mò, kích thích khả năng liên tưởng và phát triển vốn từ cho trẻ nhỏ. Chính sự đa dạng trong cách định danh - từ tên gọi thông thường đến biệt danh, từ hình ảnh hoán dụ đến ẩn dụ - đã góp phần làm nên thế giới ngôn ngữ phong phú, sinh động và đầy tính biểu cảm của thể loại ca khúc này. Tuy nhiên, phương diện này vẫn còn thiếu vắng các nghiên cứu chuyên sâu trong ngữ cảnh tiếng Việt, đặc biệt là từ góc nhìn ngôn ngữ học hệ thống - chức năng và phong cách học.

Xuất phát từ thực tế đó, bài viết này tập trung khảo sát và phân tích các phương thức GTSV trong CKTV dành cho thiếu nhi, nhằm nhận diện đặc điểm cấu trúc, chức năng và hiệu quả biểu đạt của các phương thức đó, qua đó góp phần làm rõ những đặc trưng phong cách ngôn ngữ trong ca khúc thiếu nhi Việt Nam, đồng thời gợi mở những hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu ngôn ngữ nghệ thuật. Đối tượng nghiên cứu chính của bài viết là các phương thức GTSV trong CKTV dành cho thiếu nhi. Tư liệu khảo sát bao gồm 726 ca khúc được tuyển chọn từ 12 tuyển tập xuất bản từ năm 1945 đến nay. Bài viết vận dụng các phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp phương pháp phân tích nội dung và phương pháp ngôn ngữ học miêu tả nhằm làm rõ cách thức tổ chức và vận hành của các đơn vị ngôn ngữ định danh trong ngữ cảnh đặc thù của ca khúc thiếu nhi.

2. Các nghiên cứu liên quan

Ca khúc thiếu nhi là một bộ phận quan trọng trong nền âm nhạc Việt Nam, đóng vai trò vừa là phương tiện giáo dục, vừa là cầu nối cảm xúc giữa trẻ em và thế giới xung quanh. Từ những năm đầu thế kỷ XX, cùng với sự phát triển của nền giáo dục quốc dân và phong trào âm nhạc dân tộc, nhiều nhạc sĩ Việt Nam đã chú trọng sáng tác ca khúc dành cho lứa tuổi thiếu nhi, phản ánh những giá trị văn hóa, đạo đức và tinh thần yêu nước. Theo nghiên cứu của Trần Quang Hải (2012), âm nhạc thiếu nhi ở Việt Nam bắt đầu hình thành rõ nét từ thập niên 1940 với những sáng tác của các nhạc sĩ như Lưu Hữu Phước, Hoàng Vân, Phạm Tuyên, sau đó tiếp nối bởi các nhạc sĩ như Trương Quang Lục, Phan Nhân, Nguyễn Văn Tý... Các ca khúc trong thời kỳ này thường mang âm hưởng dân ca, ca từ giản dị, dễ nhớ, dễ hát, nội dung đề cao lòng yêu nước, tình yêu gia đình và thiên nhiên. Trong giai đoạn sau năm 1975, nền âm nhạc thiếu nhi tiếp tục phát triển với sự đa dạng hơn về đề tài, bao gồm các vấn đề như bảo vệ môi trường, tình bạn, kỹ năng sống... Các tác phẩm nổi bật như *Em yêu trường em* (Hoàng Vân), *Đi học* (Bùi Đình Thảo phổ thơ Minh Chính), hay *Cháu yêu bà* (Xuân Giao) đã trở thành một phần ký ức tuổi thơ của nhiều thế hệ người Việt. Bên cạnh đó, Nguyễn Thị Yến (2015) cũng đã chỉ ra những thiếu sót trong việc nghiên cứu và phân tích ca khúc thiếu nhi Việt Nam. Nghiên cứu đã đề xuất các phương pháp nghiên cứu mới nhằm làm sâu sắc hơn mối liên hệ giữa ca khúc thiếu nhi và các yếu tố văn hóa, giáo dục trong xã hội Việt Nam. Hồ Thị Kiều Oanh và Nguyễn Đỗ Hà Anh (2017) đã chỉ ra sự tương đồng và khác biệt về biện pháp tu từ trong các bài hát nhằm giúp người dạy và học hiểu rõ hơn về các biện pháp tu từ được sử dụng trong các bài hát thiếu nhi và sử dụng chúng một cách hiệu quả, hợp lý trong giảng dạy và học tập.

Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng ca khúc thiếu nhi hiện nay đang dần mất đi vị thế trong đời sống âm nhạc đại chúng. Theo Nguyễn Thị Minh Tâm (2018), nguyên nhân là do sự thiếu vắng các chương trình truyền hình chuyên biệt cho trẻ em, thiếu chính sách đầu tư dài hạn cho sáng tác, cũng như sự thay đổi trong thị hiếu âm nhạc của cả người lớn và trẻ nhỏ. Một số nhạc sĩ trẻ hiện nay vẫn nỗ lực duy trì dòng nhạc thiếu nhi như Nguyễn Văn Chung, Phan Nhân,... nhưng chưa tạo được phong trào mạnh mẽ như các thế hệ trước. Ngoài ra, việc tích hợp ca khúc thiếu nhi trong giáo dục cũng được nhiều nhà giáo dục quan tâm. Lê Thị Mỹ Hạnh (2020) nhấn mạnh vai trò của âm nhạc trong việc phát triển ngôn ngữ, tư duy logic và cảm xúc cho trẻ ở lứa tuổi mầm non và tiểu học. Do đó, việc nghiên cứu, bảo tồn và phát triển kho tàng ca khúc thiếu nhi tiếng Việt là một nhu cầu cấp thiết trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Phương thức gọi tên sự vật trong ca khúc tiếng Việt dành cho thiếu nhi

“Gọi” là cách đặt tên cho một sự vật, hiện tượng. Hành vi “gọi” ít nhiều gắn với sự phân loại. Quá trình gọi thường gồm hai bước, đó là quy loại khái niệm và chọn đặc trưng khu biệt. Nếu một trong hai bước này có biến thể thì một sự vật hay sẽ được gọi khác nhau. Khi gọi, trong số rất nhiều đặc trưng của một sự vật, người ta thường chỉ chọn những đặc trưng tiêu biểu, phản ánh những đặc trưng nhất định của một biểu vật. Tuy nhiên, khi gọi những đối tượng có chung những thuộc tính cơ bản nào đó mà chỉ khác nhau ở những thuộc tính không cơ bản, người ta sẽ không chọn các đặc trưng cơ bản mà phải chọn đến loại đặc trưng không cơ bản, nhưng có giá trị khu biệt, làm cơ sở để gọi. Có thể quan niệm rằng toàn bộ thế giới xung quanh chúng ta được con người xác lập thành hai tiểu thế giới: thế giới thực tại và thế giới biểu tượng. Đó là những khách thể gọi tên. Giữa khách thể gọi và chủ thể gọi có mối quan hệ khăng khít với nhau (Vũ Thị Hương, 2011).

“Gọi tên sự vật” là quá trình con người “gắn cho đối tượng một kí hiệu ngôn ngữ để nhận diện và phân biệt nó với các đối tượng khác”, phản ánh cách con người tri giác và phân loại thế giới bằng ngôn ngữ (Đỗ Hữu Châu, 2011).

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm miêu tả các phương thức GTSV trong CKTV dành cho thiếu nhi ở phương diện phương thức cơ sở (PTCS). Đây là phương thức nền tảng hình thành các phương thức gọi tên khác và có vai trò tạo nên những thành tố độc lập dùng để gọi một sự vật trong các ngữ gọi sự vật khác nhau. là PTCS có cấu tạo gồm 1 đơn vị. Các đơn vị này mang nghĩa đen. Tiến hành khảo sát và nghiên cứu 726 ca khúc trong 12 tuyển tập CKTV dành cho thiếu nhi, chúng tôi xác định 508/2144 biểu thức GTSV thuộc PTCS với tần số 2472/5208 lượt. Đó là các thành tố chung chỉ người/ động vật/ thực vật/ đồ vật/ hiện tượng tự nhiên/ sự vật trừu tượng dùng để gọi tên.

Căn cứ vào nghĩa phạm trù của sự vật (khái niệm biểu thị loại sự vật, hiện tượng hay những đặc trưng chung), có thể phân loại các thành tố chung thành các nhóm dùng để gọi từng lớp/loại sự vật như sau:

Bảng 1. Phương thức gọi sự vật sử dụng các thành tố chung mang nghĩa phạm trù

STT	Nghĩa phạm trù	Ví dụ
1	Người	<i>Người, dân, bà, cháu, tôi, nó, thầy, cô, chú, ba, bố, cha, mẹ, má, em, anh, chị, bác, ...</i>
2	Động vật	<i>Cá, chim, tròng, thú.</i>
3	Thực vật	<i>Cây, bông, trái...</i>
4	Đồ vật	<i>Dao, cày, áo, chăn...</i>
5	Hiện tượng tự nhiên	<i>Mùa, nắng, mưa, trời, đất,...</i>
6	Sự vật trừu tượng	<i>Niềm tin, ước mơ, chiến tranh, quê hương,...</i>

Các nhóm đơn vị thuộc PTCS nêu trên có sự chênh lệch nhau về số lượng và số lượt xuất hiện. Các từ ngữ thuộc phương thức này phần lớn là các thành tố chung (các danh từ chung). Ví dụ: *người, dân, bác, mẹ, thầy, cô, anh, cá, chim, tôm, cua, lúa, tre, măng, xoài, dừa, mây, mưa, sông, núi, đất, nước, áo, cò, nhà, trường, tượng, một, hai, nghìn, yêu, mơ, nghĩa, nhớ, con, cây, hoa, cái,...*; các danh từ

riêng xuất hiện với số lượng và tần số rất thấp như: *Lì, Sáo, Tôm, Tép, Nam, Bắc...* Tuy nhiên, điều này lại ảnh hưởng đến nghĩa của các từ ngữ này khi biểu thị. Các danh từ chung mang nét nghĩa chung cho một nhóm đối tượng - tên gọi chung cho nhóm sự vật. Các danh từ riêng lại cụ thể hóa đối tượng được gọi tên.

Dựa vào các kết quả khảo sát và phân tích về các mô hình PTCS dùng để gọi sự vật trong CKTV dành cho thiếu nhi, chúng tôi đưa ra bảng tổng hợp như sau:

Bảng 2. Mô hình gọi sự vật thuộc PTCS

Mô hình: Danh từ chung chỉ người/ động vật/ thực vật/ đồ vật/ hiện tượng tự nhiên/ sự vật trừu tượng			Số lượng	Tỉ lệ (%)
1.1	PTCS chỉ người		82	16,14
	Mô hình 1.1. Danh từ chung chỉ người			
	1.1.1	Mô hình 1.1.1: Danh từ chung chỉ loài người	3	0,59
	1.1.2	Mô hình 1.1.2: Danh từ chung chỉ lớp đối tượng	79	15,55
1.2	PTCS chỉ động vật/ thực vật/ đồ vật/ hiện tượng tự nhiên/ sự vật trừu tượng		426	83,86
	Mô hình 1.2. Danh từ chung chỉ động vật/ thực vật/ đồ vật/ hiện tượng tự nhiên/ sự vật trừu tượng			
	1.2.1	Mô hình 1.2.1. Danh từ chung chỉ động vật	90	17,72
	1.2.2	Mô hình 1.2.2. Danh từ chung chỉ thực vật	75	14,76
	1.2.3	Mô hình 1.2.3. Danh từ chung chỉ đồ vật	123	24,21
	1.2.4	Mô hình 1.2.4. Danh từ chung chỉ hiện tượng tự nhiên	76	14,96
	1.2.5	Mô hình 1.2.5. Danh từ chung chỉ sự vật trừu tượng	62	12,21

3.2. Phân tích một số trường hợp thuộc phương thức cơ sở để làm rõ đặc trưng của các phương thức

Dựa trên các đặc điểm đã nêu, có thể đi sâu phân tích một số trường hợp PTCS để làm rõ đặc trưng của phương thức này.

Mô hình: Thành tố chung chỉ người/ động vật/ thực vật/ đồ vật/ hiện tượng tự nhiên/ sự vật trừu tượng

a) *PTCS chỉ người:*

Mô hình 1.1: Thành tố chung chỉ người, trong đó:

- Thành tố chung là các danh từ chung: “người”, “dân”:

Mô hình 1.1.1: Danh từ chung “người”/ “dân”

Ví dụ: (1) Cho em tất cả **người** mang cho em cuộc đời mới tươi sáng đầy ước mơ (Hoàng Lân, 2006, tr 148); (2) Bao nhiêu sao sáng bấy nhiêu anh hùng vì **dân**, mà Bác Hồ ngôi sao sáng vô ngần (An Thuyên, 2013d, 34). Danh từ chung trong “người” và “dân” trong trường hợp này được dùng để chỉ một người không xác định hoặc nhóm người. Chỉ có 1 trường hợp duy nhất, danh từ chung “Người” được dùng như các danh từ riêng. Đó là trường hợp danh từ chung “Người” được dùng để chỉ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Ví dụ: (3) Ôi hòa bình mà ta tha thiết lòng biết ơn **Người** suốt đời vì dân hi sinh (Nhiều tác giả, 2010a, 33 - 34). Trong ví dụ này, *Người* được dùng với hàm ý kính trọng, ngưỡng mộ nhân cách, tâm lòng và tài năng của Hồ Chủ tịch.

- Thành tố chung chỉ đối tượng:

Mô hình 1.1.2: Danh từ chung chỉ đối tượng. Dựa theo các quan hệ xã hội, các danh từ chung thuộc PTCS chỉ người được chia thành từng nhóm như sau:

+ Dùng danh từ thân tộc như: ông, bà, cha/ ba/ bố, mẹ/ má, anh, chị, cô, dì, chú, bác... Cách gọi này được dùng rất phổ biến trong các ca khúc thiếu nhi. Theo khảo sát có đến: 436/736 ca khúc có xuất hiện phương thức này.

Ví dụ: (4) *Miền Nam gọi là **ba**, miền Bắc gọi là **bố**, mà **ba** cũng như **bố**, mà **bố** cũng là **ba*** (Nhiều tác giả, 2010a, tr 117); (5) ***Em** hỏi **mẹ** là **em** biết rồi, **bà** bạc tóc vì thương **em*** (Vũ Hoàng, 2015, tr 21).

Gia đình là nơi trẻ được nuôi dưỡng, nâng niu, yêu thương,... bởi tình yêu của ông, bà, cha, mẹ, anh, chị... Vì vậy, những tiếng nói thân thương: *bà, cháu, ba, bố, mẹ, em...* đi vào tâm thức của thiếu nhi ngay từ buổi lọt lòng và theo suốt cuộc đời của các em. Vì thế, các từ này xuất hiện với tần suất cao trong các ca khúc thiếu nhi cũng là điều dễ hiểu.

+ Dùng đại từ nhân xưng như: *tôi, tớ, mình, nó, chúng mình, bọn mình...* Thế giới trẻ thơ của trẻ không chỉ có bà, có cha, có mẹ... mà còn có cả các bạn của mình. Những người bạn của trẻ cũng rất đa dạng: có thể những bạn nhỏ khác nhưng cũng có thể là những con vật, đồ vật, cây cối... gần gũi với trẻ và trẻ thường “*tâm sự*” những tâm tư thầm kín của mình. Ví dụ: (6) ***Tôi** cùng **ca** múa **ca** mừng xuân* (Hoàng Lân, 2006, tr 49); (7) ***Mình** đó con gì nó kêu lâu lâu?* (An Thuyên, 2013a, tr 38); (8) ***Ra** đón anh thương binh về làng ta thêm giáo viên cho **chúng** **mình*** (Nhiều tác giả, 2009b, tr 61).

+ Đặc biệt, hiện tượng gọi người bằng việc sử dụng các danh từ chung chỉ loại/ loài của động vật, hiện tượng, thực vật: *Lì, Sáo, Cuội, Hằng, Bống, Bò, Xí...* Theo chúng tôi, đây là cách gọi khá đặc biệt của thiếu nhi nói riêng và của người Việt nói chung. Thiếu nhi sống trong những câu chuyện cổ tích và luôn có xu hướng mượn tên nhân vật trong truyện cổ tích để gọi những người bạn của mình. Đây là cách gọi rất riêng mà chỉ thiếu nhi mới có. Ví dụ: (9) ***Bống** ra là ra gánh đỡ để chạy con là con mưa rông, để chạy con là con mưa rông* (Hoàng Lân, 2006, tr 13); (10) *Làng khen **Sáo** báo tin tài, làm xúm xít đứng quanh **Lì*** (Nhiều tác giả, 2009b, tr 55).

Với kết quả khảo sát, có thể nhận thấy các danh từ chung nêu trên luôn có khả năng trở thành các danh từ riêng để chỉ một đối tượng cụ thể. Tuy nhiên, khi các danh từ chung trở thành các danh từ riêng thường gắn với hoàn cảnh, mục đích, quan điểm... của chủ thể trong việc gọi đối tượng.

+ Các đơn vị khác thuộc mô hình này. Ví dụ: *ai, anh, Bác, bạn, bé, cha, con, người, phở, ta, thầy, ba, bố, Bò, cậu, chàng, cháu, chị, chồng, chú, chúa, chúng, cô, cô, Cuội, dân, di, đời, giặc, gió, Hằng, hoa, khách, Lì, lính, lớp, má, măng, mắt, mây, mẹ, Mĩ, nàng, người, nhà, nó, ông, quân, quý tao, Tèo, thân, tớ, út, vợ, ...*

b) *PTCS chỉ động vật/ thực vật/ đồ vật/ hiện tượng tự nhiên/ sự vật trừu tượng*

Mô hình 1.2: *Danh từ chung chỉ động vật/ thực vật/ đồ vật/ hiện tượng tự nhiên/sự vật trừu tượng*. Khảo sát các biểu thức thuộc PTCS chỉ *động vật/ thực vật/ đồ vật/ hiện tượng tự nhiên/ sự vật trừu tượng*, có thể thấy: Mỗi nhóm tiểu loại trên không đồng nhất với nhau về số lượng và số lượt xuất hiện. Tuy nhiên, ở trong các tiểu trường này không xuất hiện những danh từ riêng. Điều này phần nào phản ánh nhận thức của trẻ về thế giới tự nhiên bắt đầu có sự phân loại phức tạp nhưng để gọi riêng (vật hóa) thì chưa thấy có sự ghi dấu.

- *PTCS chỉ động vật:*

Mô hình 1.2.1: *Danh từ chung chỉ động vật*. Thành tố chung chỉ động vật là các danh từ chung chỉ giống/ loài của động vật. Các danh từ chung này có hai xu hướng: Thứ nhất, dùng để chỉ chung một giống loài của động vật. Thứ hai, dùng để chỉ một cá thể động vật. Có 90 biểu thức GTSV thuộc mô hình trên. Chẳng hạn: *bướm, bê, chim, én, trâu, ve, cá, chim, chèo, chuồn, chuột, công, cua, cừu, ếch, én, gà, gấu, heo/ lợn, mè, nghé, ngựa, sóc, sáo, sâu, tằm, thỏ, tôm, trâu, ve, vượn...* Ví dụ: (11) *Đêm qua, **cá** chết **cua** bò* (An Thuyên, 2013b, tr 50); (12) *Cho ánh nắng ban mai là những sớm bình minh. Cho những đêm trăng đẹp là chị Hằng tươi xinh. **Cây** cho trái và cho hoa, sông cho **tôm** và cho **cá**, đồng ruộng cho bông lúa, **chim** tặng lời reo ca* (An Thuyên, 2013a, tr 106).

- *PTCS chỉ thực vật:*

Mô hình 1.2.2: *Danh từ chung chỉ thực vật*. Các biểu thức gọi thực vật là các thành tố chung thuộc loại danh từ chung chỉ giống/loài thực vật. Các danh từ chung này có hai xu hướng: (1) dùng để chỉ chung một giống/ loài của thực vật; (2) dùng để gọi một cá thể thực vật cụ thể. Theo kết quả khảo sát có 75 biểu thức GTSV là thực vật thuộc mô hình 1.2.2. Chẳng hạn: *cây, chanh, đu, hoa, khế, lúa, mai, me, mít, na, sen, sung, tre, trúc, bắp (ngô), bầu, bèo, bí, củ, cọ, huệ, khoai, lan, măng, nâm, ngô, phượng, sậy...* Ví dụ: (13) *Ai trồng **cây** người đó có tiếng hát trên vòm cây chim hót lời mê say. Ai*

trông **cây** người đó có ngọn gió, rung cành cây hoa lá đũa hương bay (An Thuyên, 2013a, tr 153); (14) Đàn chim bay trên đất Việt. Đồng quê vui **lúa** lên nặng bông (Nhiều tác giả, 2010b, tr 162).

- PTCS chỉ đồ vật:

Mô hình 1.2.3: Danh từ chung chỉ đồ vật. Các biểu thức gọi đồ vật là các thành tố chung thuộc loại danh từ chung chỉ loại đồ vật. Các danh từ chung này có hai xu hướng: *thứ nhất*, dùng để chỉ chung một loại đồ vật; *thứ hai*, dùng để gọi một cá thể đồ vật cụ thể. Ví dụ: (15) Con voi đánh **trống**, con gấu thổi **kèn**, bóng bay xanh đỏ bay dần quanh em (Hoàng Liên, 2006, tr 47); (16) Nào **bàn** nào **ghế**, nào **sách** nào **vở**. Nào **mực** nào **bút**, nào **phấn** nào **bảng**, cả tiếng chim vui, trên cành cây cao, cả lá cờ sao trong nắng thu vàng, yêu sao yêu thế trường của chúng em (Vũ Hoàng, 2015, tr 42).

Các từ **trống**, **kèn**, **ghế**, **sách**, **vở**, **mực**, **bút**, **phấn**, **bảng**,... trong các ví dụ 15 và 16 là các thành tố chung chỉ loại của các đồ vật. Các thành tố chung là các danh từ chung chỉ loại. Có 123 từ thuộc mô hình phương thức gọi đồ vật trên như: *cặp, cầu, chậu, chiếu, chông, cờ, củi, cùm, đàn, đạn, dây, diều, đu, gậy, ghế, giày, giỏ, guốc, guơm, kèn, kẹo, khăn, khèn, kim, lưới, mo, mũ, mũn, phấn, pháo, phiếu, quạt, que, rom, sách, sáo, súng, thóc, thư, thuốc, tơ, trống, túi, vải, váy, vở, võng, vung*,...

+ PTCS chỉ hiện tượng tự nhiên:

Mô hình 1.2.4: Danh từ chung chỉ hiện tượng tự nhiên. Thành tố chung chỉ hiện tượng tự nhiên là các danh từ chung chỉ loại của hiện tượng tự nhiên. Ví dụ: (17) **Mặt trời** hậm hực biến sau màn mây (An Thuyên, 2013c, tr 92); (18) Bó là thuyền nan cho em vượt **sóng** (Vũ Hoàng, 2015, tr 16). Các từ **mặt trời**, **sóng** trong ví dụ... là các danh từ chung đóng vai trò là thành tố chung chỉ hiện tượng tự nhiên. Các danh từ chung chỉ hiện tượng tự nhiên khác thuộc mô hình trên là: *nắng, mưa, gió, mây, trời, đất*,... Theo khảo sát có 76 biểu thức GTSV thuộc mô hình gọi trên.

+ PTCS chỉ sự vật trừu tượng:

Mô hình 1.2.5: Danh từ chung chỉ sự vật trừu tượng

Ví dụ: (19) Chiến lũy là đây, giữa dòng sông này, đất nước hồi sinh, mơ về **tương lai** (Nhiều tác giả, 2009a, tr 133); (20) Ta sống không uơ hèn, rèn **tâm trí** bền! Luyện tập thành nhân, vì **nghĩa** vì dân, **chí** tốt **đanh** thom vững vàng! (Nhiều tác giả, 2009c, tr 17). Các từ **tương lai**, **tâm trí**, **nghĩa**, **chí**, **đanh** là các danh từ chung chỉ sự vật trừu tượng giữ vai trò là các danh từ chung trong biểu thức GTSV. Các ví dụ khác như: *đanh, hiếu, hồn, lòng, mộng, nghèo, rỗng, sông, ước, tình*,... Theo khảo sát và phân loại có 62 biểu thức GTSV thuộc mô hình trên.

Có thể thấy, PTCS là phương thức gọi tên dùng danh từ chung chỉ họ/ giống/ loài/ loại để gọi sự vật. Về đặc điểm loại danh từ: Các từ đơn này đều bắt nguồn từ các danh từ chung chỉ một trong các đặc trưng *họ/ giống/ loài/ loại*. Các danh từ chung này phổ biến và quen thuộc với mọi người. Tuy nhiên, trong các CKTV dành cho thiếu nhi, các danh từ này được dùng với hai tư cách: thứ nhất, đó là các danh từ chung để chỉ chung cho một *giống/ loài/ loại* nào đó: *người, cá, tôm, sáo, tôm, tép, buri, sách, bút, núi, sông*, ...; thứ hai, sử dụng với tư cách là tên riêng như: *Người, Tôm, Tép, Sáo*,... Khi được sử dụng với tư cách 2, danh từ này được viết hoa. Điều này phù hợp với nhận định của tác giả Đỗ Hữu Châu: “danh từ riêng (tên riêng) chỉ được dùng để gọi cá thể chứ không được dùng để gọi cho loại của cá thể thì tên chung (danh từ chung) lại vừa được dùng để gọi cá loại, vừa được dùng để gọi cá thể trong loại” (Đỗ Hữu Châu, 2011, tr67).

4. Kết luận

Qua quá trình khảo sát và phân tích, có thể thấy rằng phương thức GTSV trong CKTV dành cho thiếu nhi không chỉ đơn thuần là việc sử dụng từ ngữ để định danh, mà còn là một hoạt động sáng tạo ngôn ngữ giàu tính nghệ thuật và giáo dục. Cấu trúc của các biểu thức gọi sự vật trong CKTV dành cho thiếu nhi không mang tính ràng buộc khuôn mẫu quá nghiêm ngặt. Phần lớn các biểu thức được cấu tạo theo kiểu mở rộng thành phần miêu tả. Bằng cách này, các biểu thức gọi sự vật trong các ca khúc này còn là các tín hiệu thẩm mỹ ban đầu giúp cho trẻ đi vào trong thế giới nghệ thuật với nhiều hình ảnh sống động và đa dạng để khám phá thế giới sự vật. Sự đa dạng trong cách gọi tên người/ động vật/ thực vật/ đồ vật/ hiện tượng tự nhiên/ sự vật trừu tượng đều phản ánh tư duy thẩm mỹ cũng như sự linh hoạt trong ngôn ngữ của người sáng tác. Điều này không chỉ tạo nên nét đặc sắc cho các ca khúc thiếu nhi mà còn thể hiện mối liên hệ mật thiết giữa ngôn ngữ, âm nhạc và sự phát triển nhận

thức ở lứa tuổi nhỏ. Nghiên cứu phương thức GTSV trong CKTV dành cho thiếu nhi không chỉ góp phần làm rõ một khía cạnh của ngôn ngữ nghệ thuật, mà còn mở ra những hướng đi mới trong việc sáng tác, giảng dạy và bảo tồn văn hoá âm nhạc dành cho trẻ em trong bối cảnh hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. An Thuyên (chủ biên, 2013)A, *Giai điệu tuổi thần tiên*, tập 1C. NXB Giáo dục Việt Nam.
2. An Thuyên (chủ biên, 2013)B, *Giai điệu tuổi thần tiên*, tập 1D. NXB Giáo dục Việt Nam.
3. An Thuyên (chủ biên, 2013)C, *Giai điệu tuổi thần tiên*, tập 1A. NXB Giáo dục Việt Nam.
4. An Thuyên (chủ biên, 2013)D, *Giai điệu tuổi thần tiên*, tập 1B. NXB Giáo dục Việt Nam.
5. Đỗ Hữu Châu (2011), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Halliday, M.A.K. (1978), *Language as Social Semiotic: The Social Interpretation of Language and Meaning*. London: Edward Arnold, chapter 1, 2-3.
7. Hoàng Lâm (2006), *Ca khúc thiếu nhi Việt Nam*. NXB Thanh niên.
8. Hồ Thị Kiều Oanh, Nguyễn Đỗ Hà Anh (2017), Phân tích đối chiếu các biện pháp tu từ trong các bài hát thiếu nhi tiếng Anh và tiếng Việt. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Đà Nẵng*, 2, 67-70.
9. Lê Thị Mĩ Hạnh (2020), Âm nhạc với sự phát triển toàn diện của trẻ em. *Tạp chí Giáo dục*, 485, 2-3.
10. Nguyễn Thị Minh Tâm (2018), Thực trạng và giải pháp phát triển âm nhạc thiếu nhi Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, 401, 4-5.
11. Nguyễn Thị Yên (2015), Những khoảng trống trong nghiên cứu ca khúc thiếu nhi Việt Nam. *Tạp chí Văn hóa dân gian*, 3, 41-48.
12. Nguyễn Văn Hiên (2015), *Tuyển tập nhạc thiếu nhi*. NXB Tổng hợp Đà Nẵng
13. Nhiều tác giả (2009)A, *50 bài hát mẫu giáo được yêu thích*. NXB Âm nhạc.
14. Nhiều tác giả (2009)B, *50 bài hát nhi đồng được yêu thích*. NXB Âm nhạc.
15. Nhiều tác giả (2009)C, *50 bài hát thiếu niên được yêu thích*. NXB Âm nhạc.
16. Nhiều tác giả (2010)A, *Tập ca khúc tuổi hồng cho em*. NXB Văn hóa Thông tin.
17. Nhiều tác giả (2010)B, *Trẻ thơ hát*. NXB Âm nhạc.
18. Trần Quang Hải (2012), *Âm nhạc Việt Nam - Truyền thống và hiện đại*. NXB Âm nhạc.
19. Vũ Hoàng (2015), *Tuyển tập nhạc Thiếu nhi và thanh thiếu niên*. NXB Tổng hợp Đà Nẵng.
20. Vũ Thị Hương (2021), *Đặc điểm từ ngữ chỉ sự vật trong ca khúc tiếng Việt dành cho thiếu nhi*. Luận án Tiến sĩ, ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hoá Việt Nam. Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, Đại học Thái Nguyên.